TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quý Trọng

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2019/HNGĐ – TLST ngày 03/5/2019 về " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐ - ST ngày 07/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐ-ST ngày 24/6/2019; giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/3/1987.

HKTT: Thôn X, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn T, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Trung H, sinh ngày 12/02/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Phạm Minh U, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn X, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương.(Có mặt)

3.2. Ông Phạm Xuân M, sinh năm 1964 – Trưởng Công an xã Y (Vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1963 – Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ Thôn X, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

3.4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; cư trú tại Thôn T, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Đỗ Trung H tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 28/12/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, ngoài mâu thuẫn vợ chồng, chị và gia đình chồng có mâu thuẫn. Anh H không có lập trường nghe lời bố mẹ đẻ và anh chị em ruột nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Năm 2017, anh H đi du lịch tại Hàn Quốc sau đó trốn ra ngoài không về Việt Nam, chị đã nhiều lần liên hệ để xin địa chỉ nhưng anh H không cho. Gia đình anh H không ai biết địa chỉ của anh H. Kể năm 2017 đến nay anh H không liên lạc, không quan tâm, trách nhiệm với chị và các con. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4/2018 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Trung H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Đức K, sinh 18/8/2013 và Đỗ Đức M, sinh ngày 08/7/2017 hiện các con đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, công việc và thu nhập ổn định, chị cam đoan đảm bảo các quyền lợi cho con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Phạm Thị Minh U và chị Đỗ Thị Ph là mẹ đẻ và chị gái của anh H đều trình bày: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh chị sống không hạnh phúc. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Hai bên không quan tâm, chăm sóc và trách nhiệm với nhau. Anh H nhiều lần xuất cảnh một thời gian lại về nước. Tháng 5/2017, anh H đi Hàn Quốc sau đó trốn ra ngoài sống bất hợp pháp nên gia đình không có địa chỉ, không có số điện thoại của anh H để cung cấp cho Tòa án. Bà U xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã thông tin cho anh H qua mạng Facebook, anh H nhờ bà trình bày với Tòa án là nhất trí ly hôn, nhất trí để 02 con cho chị N nuôi, anh H không cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị N không yêu cầu. Anh chị N H không có tài sản chung, nợ chung, công sức. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà U xác nhận có việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đến niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H tại gia đình bà và UBND xã Y.

Bà Nguyễn Thị B mẹ đẻ chị N trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị N trình bày. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, Tháng 4/2018 mẹ chồng và chị chồng đến gia đình giao trả chị N. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc và trách nhiệm với nhau.

Xác minh với Chi hội phụ nữ thôn cung cấp: Có nghe dư luận về việc anh chị N, H sống không hạnh phúc, vì chị N không tham gia sinh hoạt tại chi hội nên Chi hội không đến động viên hòa giải, anh H không có mặt tại địa phương.

Xác minh với Trưởng công an xã Y cung cấp: Anh Đỗ Trung H hiện không có mặt tại địa phương, trước khi xuất cảnh anh H không khai báo tạm trú, tạm vắng.

Ngày 15/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có công văn gửi Cục xuất nhập cảnh đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Đỗ Trung H. Ngày 27/5/2019 Cục xuất nhập cảnh có công văn trả lời số 8439. Xác nhận anh Đỗ Trung H đã được cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp lần lượt 03 hộ cH, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 25/5/2017 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ cH C327341, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà U, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà U đã thông tin cho anh H biết, thông qua gia đình anh H có quan điểm đồng ý ly hôn với chị N và nhất trí để 02 con cho chị N nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị N, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N được ly hôn anh H; giao 02 con Đỗ Đức K, sinh 18/8/2013 và Đỗ Đức M, sinh ngày 08/7/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Hàn Quốc. Tòa án đã 2 lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa, anh H vắng mặt. Căn cứ khoản1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Trung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2012 tại UBND xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống

hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài mâu thuẫn vợ chồng, chị N còn có mâu thuẫn với gia đình chồng, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ nên không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Tháng 5/2018 chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Anh H thông qua gia đình cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Đức K, sinh 18/8/2013 và Đỗ Đức M, sinh ngày 08/7/2017 hiện các con đang ở với chị N. Xét thấy, anh H hiện không có mặt tại Việt Nam, để đảm bảo sự phát triển và ổn định cuộc sống của các cháu cần tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Trung H

2.Về con chung: Giao con Đỗ Đức K, sinh 18/8/2013 và Đỗ Đức M, sinh ngày 08/7/2017 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2019 đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Trung H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0007392 ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đỗ Trung H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương*
- *Cục Thi hành án dân sự tỉnh*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hoài